

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DSST.

Ngày: 07-9-2021.

V/v: “Kiện tranh chấp

HD vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Vũ.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Tuyển.

2. Ông Vũ Xuân Thụ.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:*** Ông Ksor Y Kon – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 189/2021/TLST-DS, ngày 07/4/2021, về việc “Kiện tranh chấp HD vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 28/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Địa chỉ:* Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị Bích Th, sinh năm 1981. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Địa chỉ:* Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh 1972. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Địa chỉ:* Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án bà H là nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/12/2015 (al) bà Th vay của bà H 2,5 chỉ vàng 99.

Ngày 17/01/2017 (al) bà Th chuyển số nợ của năm 2014 qua là 6.164 kg cà phê nhân xô; chuyển số nợ của năm 2015 qua là 5.592 kg cà phê nhân xô; chuyển số nợ của năm 2016 qua là 138.839.000 đồng. Tổng cộng nợ của năm 2014; 2015; 2016 chuyển qua năm 2017 là 11.756 kg cà phê nhân xô và 138.839.000 đồng.

Ngày 03/6/2018 bà Th chốt giá tiêu và điều lấy tiền là 111.490.000 đồng.

Tổng cộng số nợ hiện nay bà Th còn nợ bà H là 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng cho đến nay bà Th vẫn chưa trả cho bà H, bà H đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà Th không trả nợ mà có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Vì vậy, nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th trả cho bà H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

*Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ bà Bùi Thị Bích Th là bị đơn: Cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bà Th và bà Th cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.*

*Trong quá trình giải quyết vụ án ông H chồng bà Th trình bày:*

Việc bà Th vợ ông H ký giấy vay mượn tiền của bà H, ông H không biết và ông H cũng không ký vào bất cứ giấy tờ gì liên quan đến nợ này. Nay bà H khởi kiện thì bà Th phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H, không liên quan gì đến ông H.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc bà H khởi kiện yêu cầu bà Th trả cho bà H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

**[1].** Về thủ tục tố tụng: Việc bà Phan Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Bích Th trả 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng tại Tòa án

và Toà án thụ lý giải quyết về tranh chấp HĐ vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Bùi Thị Bích Th đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Th vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bà Th cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt. Sau khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

**[2]. Về nội dung:** Ngày 11/12/2015 bà Th vay của bà H 2,5 chỉ vàng 99.

Ngày 17/01/2017 (al) bà Th chuyển số nợ của các năm 2014; 2015; 2016 qua năm 2017 là 11.756 kg cà phê nhân xô và 138.839.000 đồng.

Ngày 03/6/2018 bà Th chốt giá tiêu và điều lấy tiền là 111.490.000 đồng.

Tổng cộng số nợ hiện nay bà Th còn nợ bà H là 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng, nhưng cho đến nay bà Th vẫn chưa trả nợ cho bà H.

Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bà Th về yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 98/KLGĐ-PC09 ngày 29/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị Bích Th trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Bùi Thị Bích Th trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, **là do cùng một người ký và viết ra.**

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, tại các giấy nợ do bà H cung cấp thì bà Th nợ bà H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng bà Th không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, nên cần chấp nhận, buộc bà Th phải trả cho bà H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 250.329.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn H là chồng bà Th: Khi bà Th giao dịch và nợ bà H, ông H không biết và ông H cũng không ký bất cứ giấy nợ nào với bà H. Mặt khác, bà H cũng thừa nhận việc giao dịch này chỉ có bà H và bà Th, không có sự tham gia của ông H, nên không thể buộc ông H liên đới cùng bà Th trả nợ cho bà H.

**[3]. Về lãi suất:** Đối với 2,5 chỉ vàng 99 và 11.756 kg cà phê nhân xô (tài sản là vật) nên không tính lãi.

Tại giấy nợ ghi ngày 17/01/2017 al (tức ngày 13/02/2017) và giấy nợ ghi ngày 03/6/2018 các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không thỏa thuận lãi. Do các đương sự không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất, nên đây là HĐ vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất mà pháp luật quy định của bà Hồng là có căn cứ và xác định thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 07/4/2021) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự để tính lãi suất như sau: Lãi suất được tính từ ngày thụ lý vụ án là ngày 07/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2021) là 05 tháng, cụ thể:

$[(138.839.000 \text{ đồng} \times 10\%) : 12 \text{ tháng}] \times 05 \text{ tháng} = 5.784.000 \text{ đồng}$ , tổng cộng gốc và lãi là:  $(138.839.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 5.784.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 144.623.000 \text{ đồng}$ .

$[(111.490.000 \text{ đồng} \times 10\%) : 12 \text{ tháng}] \times 5 \text{ tháng} = 4.645.000 \text{ đồng}$ , tổng cộng gốc và lãi là:  $(111.490.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 4.645.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 116.135.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, bà Th phải trả cho bà H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và  $(144.623.000 \text{ đồng} + 116.135.000 \text{ đồng}) = 260.758.000 \text{ đồng}$ .

**[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:** Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, nên buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Giá vàng 99 tại thời điểm xét xử là 5.108.000 đồng/chỉ  $(2,5 \text{ chỉ} \times 5.108.000 \text{ đồng/chỉ}) = 12.770.000 \text{ đồng}$ .

Giá cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử là 40.000 đồng/kg  $(11.756 \text{ kg} \times 40.000 \text{ đồng/kg}) = 470.240.000 \text{ đồng}$ .

Tiền án phí DSST là  $[(12.770.000 \text{ đồng} + 470.240.000 \text{ đồng} + 260.758.000 \text{ đồng}) = 743.768.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng} = 343.768.000 \text{ đồng} \times 4\% + 20.000.000 \text{ đồng}] = 33.750.000 \text{ đồng}$ .

Trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Tuyết H.

Buộc bà Bùi Thị Bích Th trả cho bà Phan Thị Tuyết H 2,5 chỉ vàng 99; 11.756 kg cà phê nhân xô và 260.758.000 đồng (Trong đó 250.329.000 đồng tiền nợ gốc và 10.429.000 đồng tiền nợ lãi).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Về chi phí tố tụng:* Căn cứ khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thị Bích Th phải chịu 5.250.000 đồng tiền chi phí giám định.

Trả lại cho bà Phan Thị Tuyết H 5.250.000 đồng tiền chi phí giám định đã nộp sau khi thu được từ bà Th.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Bùi Thị Bích Th phải chịu 33.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phan Thị Tuyết H 19.118.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0000006 ngày 01/4/2021.

*Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

**Nguyễn Huy Vũ**